KIỂM ĐỊNH LẠI KHUNG DAO ĐỘNG 1620 – 1690 ĐIỂM, CUNG CẦU CÓ THỂ TIẾP TỤC GIẰNG CO

22/10/2025

VN-Index	**1663.43 (1.65%)**
1677 Tr. cổ phiếu	49037.0 Tỷ VND (-8.48%)
HNX-Index	**264.65 (0.62%)**
164 Tr. cổ phiếu	3676.0 Tỷ VND (-20.17%)
UPCOM-Index	**109.46 (-0.77%)**
47 Tr. cổ phiếu	670.5 Tỷ VND (-41.07%)
VN30F1M	**1900.20 (2.11%)**
497,361 HD	OI: 39,151 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số

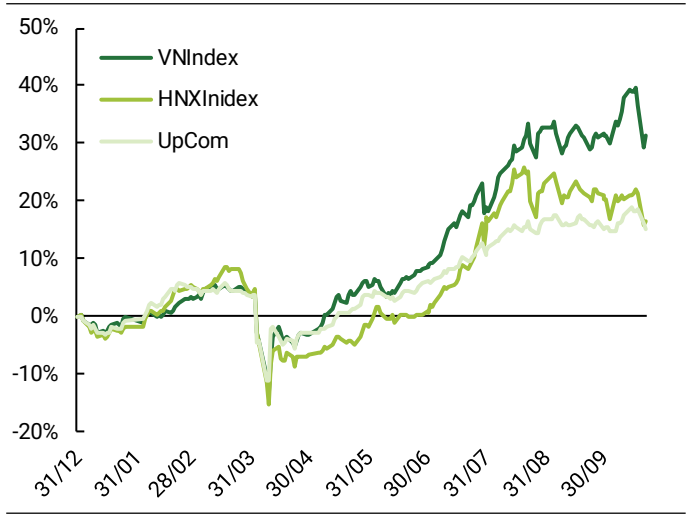

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1663.4, tăng 27.0 điểm (+1.65%). Thanh khoản hạ nhiệt so với phiên trước nhưng vẫn duy trì mức cao. Phản ứng phục hồi cũng ghi nhận ở VN30, HNX-Index.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với thị trường, nhờ động lực dẫn dắt của nhóm Vingroup. Dù vậy, mức độ phân hóa vẫn diễn ra cao và dòng tiền chưa phục hồi đồng bộ.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: HDB (+6.9%), SSB (+6.6%), OCB (+3.8%) l Bất động sản: VIC (+4.4%), TAL (+3.8%), CRE (+3.6%) l Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+7.0%), TV2 (+7.0%), VTP (+6.2%) l Xây dựng và Vật liệu: BMP (+7.0%), CTD (+6.3%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: MSN (-4.8%), PAN (-0.2%)l Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-1.8%), GEG (-1.0%) l Dịch vụ tài chính: VDS (-5.5%), VND (-4.1%), VCI (-3.5%)

  Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, FPT, HDB - Chiều giảm | MSN, GAS, NVL, CRV

  Khối ngoại trở lại Mua ròng gần 2400 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, SSI, TCX, HPG, trong khi bán ròng MSN, VHM, VJC..

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** bật tăng nhưng chưa thể vượt lên ngưỡng 1670 điểm (ứng với MA50 ngày) hàm ý lực cung còn chi phối. Tuy nhiên, phản ứng trong phiên cho thấy lực cầu sẵn sàng tham gia khi chỉ số tiếp cận khu vực hỗ trợ 1600 - 1620 điểm. Điều này cho thấy cung - cầu có thể trở lại trạng thái giằng co nhằm tìm kiếm vùng cân bằng. **Vùng giá 1620 - 1690 cũng là khung dao động tích lũy trong quá khứ kỳ vọng sẽ tiếp tục được kiểm định.** Ở chiều thận trọng, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1600 điểm sẽ phát rủi ro tìm về mức hỗ trợ thấp hơn quanh mức 1550 - 1560 điểm.
- **Đối với HNX-Index,** chỉ số bật tăng khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ quanh mức 260. Dù vậy, đà tăng có phần hạn chế với mẫu hình nến spinning top, hàm ý lực cung còn chi phối. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc với kháng cự gần là ngưỡng 270.
- **Chiến lược chung:** Đưa tài khoản về tỷ trọng an toàn, phù hợp khẩu vị rủi ro. Với các cổ phiếu đã vi phạm tín hiệu, NĐT có thể tận dụng nhịp hồi để hạ bớt tỷ trọng. Ưu tiên việc quản trị vốn hơn là cố gắng tìm kiếm lợi nhuận khi mức độ phân hóa vẫn đang diễn ra cao. Theo dõi thêm phản ứng của thị trường trong quá trình tìm vùng cân bằng, hạn chế việc bình quân giá xuống khi dấu hiệu "dừng rơi" chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ HAG (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 09)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,663.4	1.7%	-5.5%	0.3%	49,037.0	-8.5%	-6.6%	68.0%	1,677.0	-5.6%	7.2%	80.5%
HNX-Index	264.7	0.6%	-3.9%	-4.2%	3,676.0	-20.2%	3.9%	141.2%	163.7	-13.9%	16.6%	137.2%
UPCOM-Index	109.5	-0.8%	-3.3%	-1.4%	670.5	-41.1%	-17.9%	30.9%	47.4	-25.4%	-4.6%	-2.7%
VN30	1,915.9	2.4%	-4.9%	3.0%	26,031.8	-14.8%	-9.9%	57.8%	701.2	-14.4%	-0.7%	71.2%
VNMID	2,374.4	-0.1%	-5.5%	-4.9%	18,849.1	0.6%	-5.6%	85.4%	668.2	5.6%	4.0%	85.6%
VNSML	1,501.5	0.7%	-4.0%	-6.9%	2,209.4	-3.3%	-9.2%	48.7%	153.7	0.8%	-3.0%	57.6%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	642.7	1.4%	-8.12%	-3.4%	11,881.4	-21.2%	0.3%	33.7%	464.3	-18.7%	5.9%	38.2%
Bất động sản	642.5	2.3%	-7.2%	13.8%	8,540.9	-15.4%	-11.4%	33.8%	328.5	-8.2%	7.6%	54.5%
Dịch vụ tài chính	356.7	0.6%	-7.5%	-4.5%	9,652.3	37.7%	52.7%	109.4%	304.3	41.6%	58.5%	106.1%
Công nghiệp	283.0	2.4%	3.8%	7.6%	3,220.3	-17.5%	-6.0%	70.8%	65.0	-10.3%	2.5%	57.5%
Tài nguyên cơ bản	529.6	2.3%	-9.3%	-10.7%	2,629.0	-22.0%	11.6%	36.7%	114.4	-17.6%	18.9%	46.4%
Xây dựng - Vật Liệu	191.2	0.4%	-4.2%	-5.8%	3,151.2	4.9%	28.3%	62.4%	125.0	5.8%	32.8%	55.2%
Thực phẩm	533.1	-0.1%	-6.3%	-4.1%	3,405.1	-21.0%	-8.8%	59.9%	68.9	-18.7%	-3.5%	37.4%
Bán Lẻ	1,496.5	3.1%	-3.8%	1.3%	1,424.4	-16.8%	22.7%	61.1%	19.3	-17.4%	20.1%	57.3%
Công nghệ	494.3	6.5%	-7.2%	-14.9%	2,017.1	43.7%	67.2%	94.9%	23.9	9.5%	46.3%	83.2%
Hóa chất	156.5	1.9%	-10.1%	-11.5%	669.1	-9.0%	8.2%	48.2%	22.1	-7.7%	8.0%	49.8%
Tiện ích	616.3	-0.2%	-5.4%	-8.0%	307.9	-35.2%	-40.8%	-4.7%	15.8	-40.6%	-26.7%	8.1%
Dầu khí	72.5	2.1%	-8.5%	-3.9%	391.8	-28.6%	-20.7%	1.2%	16.1	-24.8%	-14.7%	9.3%
Dược phẩm	420.2	1.0%	-3.0%	-3.6%	66.5	55.8%	17.8%	4.9%	3.3	7.1%	19.2%	11.6%
Bảo hiểm	82.2	3.4%	-9.6%	-15.8%	36.4	-36.7%	-21.5%	5.2%	1.2	-41.2%	-20.4%	4.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,663.4	1.6%	31.3%	15.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,291	0.5%	-7.8%	16.4x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,238	1.8%	16.4%	19.9x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,083	0.6%	-4.0%	16.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,094	0.2%	-6.7%	10.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,916	1.4%	16.8%	19.1x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,028	0.7%	29.7%	12.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	49,316	0.3%	23.6%	22.0x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,735	1.1%	14.5%	28.0x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	46,707	1.12%	9.8%	23.2x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,423	0.2%	15.3%	14.3x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,680	-0.02%	16.0%	17.5x	2.4x
DXY		99	0.52%	-8.8%		
USDVND		26,343	0.004%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	0.9%	-7.7%	-17.5%	-17.1%
Dầu WTI	0.9%	-7.3%	-19.0%	-17.7%
Khí gas	14.5%	19.3%	-5.2%	49.0%
Than cốc (*)	0.0%	3.6%	-10.6%	-22.6%
Thép HRC (*)	-0.3%	-3.8%	-5.1%	-6.4%
PVC (*)	0.0%	-0.1%	-5.3%	-13.0%
Phân Urea (*)	0.3%	-22.0%	7.0%	6.0%
Cao su thiên nhiên	1.2%	1.1%	-12.8%	-12.0%
Bông Cotton	0.0%	-1.0%	-6.1%	-11.0%
Đường	0.8%	1.0%	-18.9%	-28.4%
World Container Index	2.2%	-11.8%	-55.6%	-47.5%
Baltic Dirty tanker Index	5.7%	6.6%	31.4%	16.7%
Vàng	0.2%	15.6%	62.3%	56.6%
Bạc	-3.6%	16.2%	73.2%	48.2%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

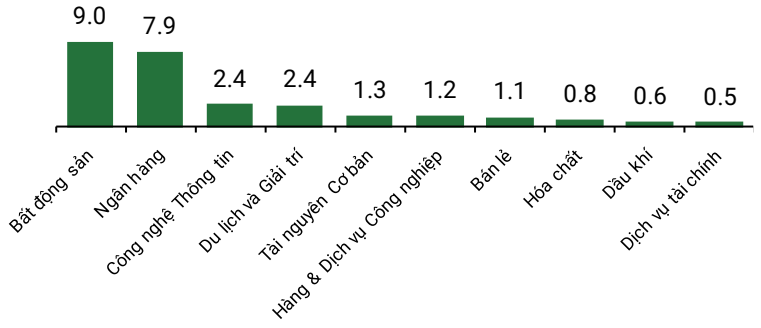

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

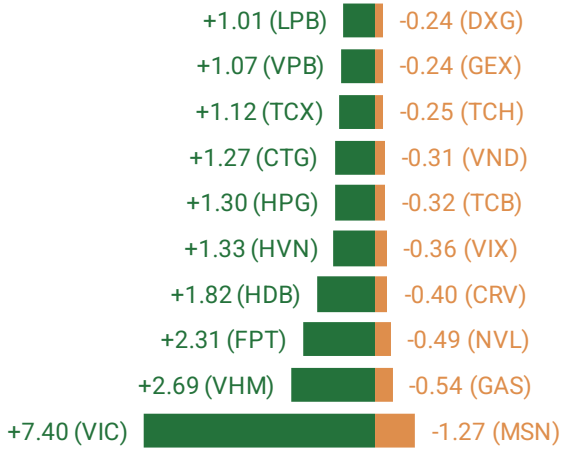

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

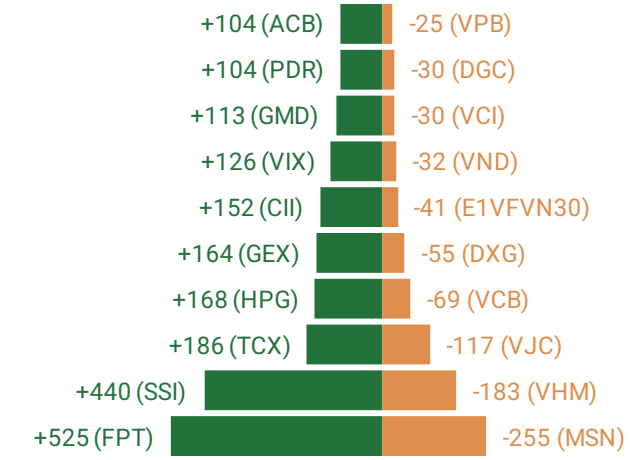

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

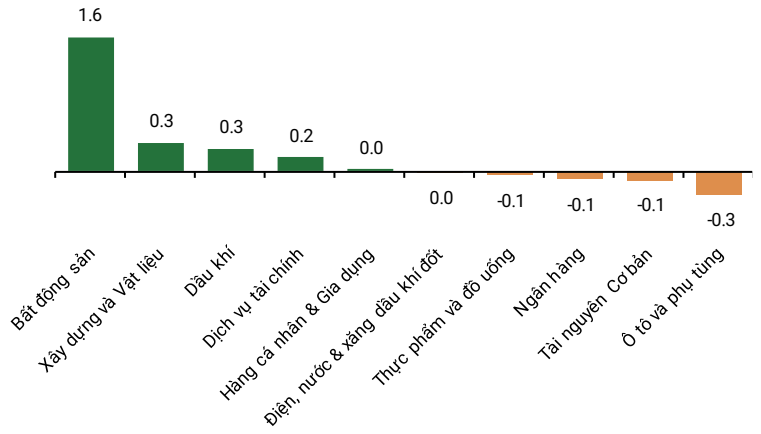

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

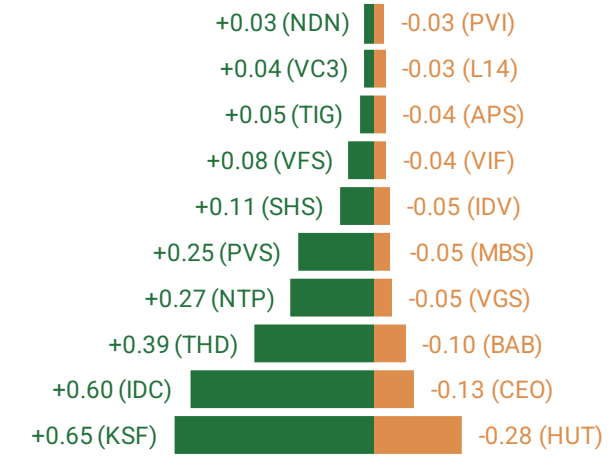

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

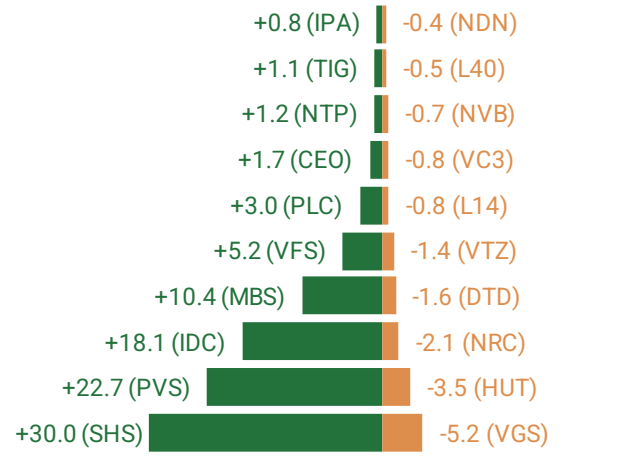

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

	SSI	VIX	SHB	MSN	HPG
%DoD	1.7%	-2.9%	0.9%	-4.8%	2.9%
Giá trị	3,100	2,675	2,407	2,230	1,967

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

	HDB	STB	FPT	VJC	PC1
%DoD	6.9%	1.3%	6.9%	3.2%	3.7%
Giá trị	229	220	188	176	147

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

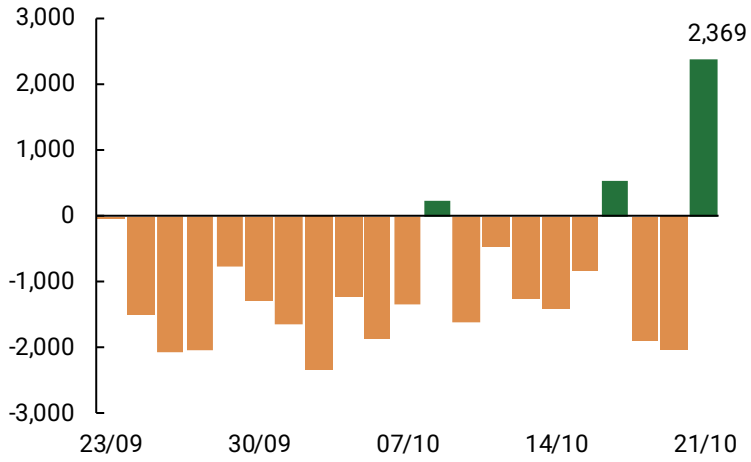

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

	CEO	SHS	MBS	PVS	IDC
%DoD	-0.7%	0.4%	-1.0%	2.8%	6.0%
Giá trị	1,226	858	268	145	102

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

	THD	HUT	DNP	IDC	TIG
%DoD	3.4%	-3.2%	0.0%	6.0%	4.1%
Giá trị	113	111	110	41	18

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

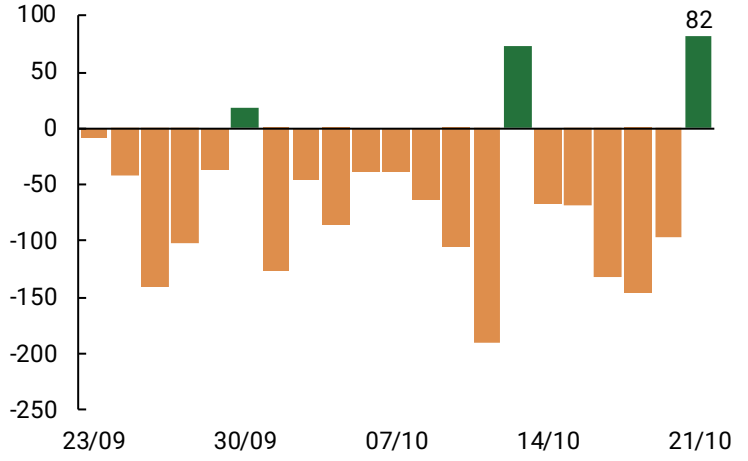

Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh có bóng phía trên tại cản và kháng cự, vol tăng trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1670 – 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

Kịch bản: Chỉ số bật tăng khi tiếp cận khu vực hỗ trợ 1600 – 1620 điểm nhưng chưa thể phục hồi rõ nét, hàm ý lực cung còn chi phối. Dù vậy, trạng thái đang trở lại khung dao động quanh ngưỡng 1620 – 1690 đã được tích lũy trước đó có thể là nơi để cung cầu tìm kiếm sự cân bằng. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc nhằm củng cố thêm xu hướng.

Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh có bóng phía trên tại cản và kháng cự, vol tăng trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 195 0.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

➔ Khu vực quanh đỉnh cũ 1900 điểm giữ vai trò hỗ trợ tốt và giá đã bật tăng trở lại. Dù vậy, trạng thái vẫn cho thấy chiều mua lên còn thận trọng trong khi áp lực chờ bán hiện hữu. Vận động khả năng tiếp tục tích lũy củng cố thêm quanh đây. Kháng cự gần trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 1950 – 1960 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	**HAG**	**CUT LOSS**	**Current price**		**15.3**	**P/E (x)**	11.8
Exchange	HOSE		Action price		**16.75**	P/B (x)	1.7
Sector	Farming & Fishing		Cut loss price	(22/10)	**15.3**	EPS	1295.2
					-8.7%	ROE	15.2%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium

TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía vi phạm ngưỡng cắt lỗ.
- Thanh khoản tăng cho thấy lực bán chủ động.
- Chỉ báo MACD cắt xuống trở lại đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
- Rủi ro giảm sâu hơn nếu phá vỡ mốc 15

➔ Đà tăng bị vi phạm và có rủi ro tiếp tục sụt giảm.

➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**HAG**	Cắt lỗ	22/10/2025	15.3	16.8	**-8.7%**	18.5	10.4%	15.7	-6.3%	Đà tăng vi phạm

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**VNM**	Mua	09/10/2025	-	56.50	60.5	**-6.6%**	67.0	10.7%	57.0	-5.8%	16/10 Cổ tức tiền 28.5%
2	**NTP**	Mua	17/10/2025	-	65.40	65.1	**0.5%**	72.0	10.6%	61.0	-6.3%	

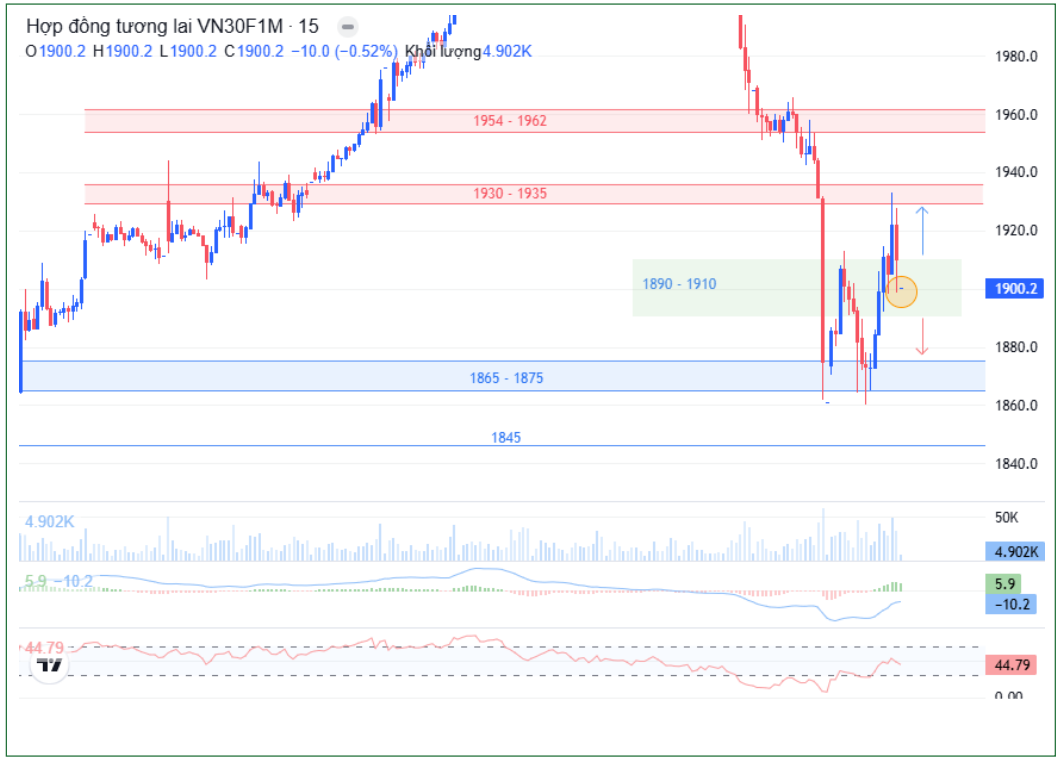

Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1900.2, tăng 39 điểm (+2.1%). Thanh khoản tăng với độ lệch basis 15.7 điểm (thấp hơn VN30 cơ sở). Khối ngoại Bán ròng 821 HĐ, tương ứng hơn 155 tỷ đồng. Vận động trong phiên nghiêng về phục hồi, dù có chút rung lắc ở phiên sáng nhưng chiều mua đã chiếm ưu thế hơn trong phiên chiều.
- **Ở đồ thị 15p**, đà giảm vẫn còn chi phối nên giá khả năng xác lập lại vùng dao động quanh ngưỡng 1900 điểm để cung cố lại đà. Vùng rung lắc kỳ vọng quanh 1892 – 1912 điểm. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt trên ngưỡng 1914 trong khi chiều Short có thể tham gia khi giá suy yếu và lùi về dưới ngưỡng 1890.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1826.0, tăng 19 điểm (+1.05%). Độ lệch basis 6.9 điểm và thấp hơn VN100 cơ sở. Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 456 HĐ.

Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.914	1.930	1.907	16 : 7
Short	< 1.890	1.876	1.897	14 : 7

Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,880.0	24.3	95	29	1,928.5	-48.5	18/06/2026	240
41I1G3000	1,880.5	27.5	240	273	1,923.7	-43.2	19/03/2026	149
VN30F2512	1,895.0	35.0	2,321	1,918	1,918.9	-23.9	18/12/2025	58
41I1FB000	1,900.2	39.2	497,361	39,151	1,917.5	-17.3	20/11/2025	30
41I2FB000	1,826.0	19.0	460	110	1,834.4	-8.4	20/11/2025	30

Khối lượng mở (Open interest)

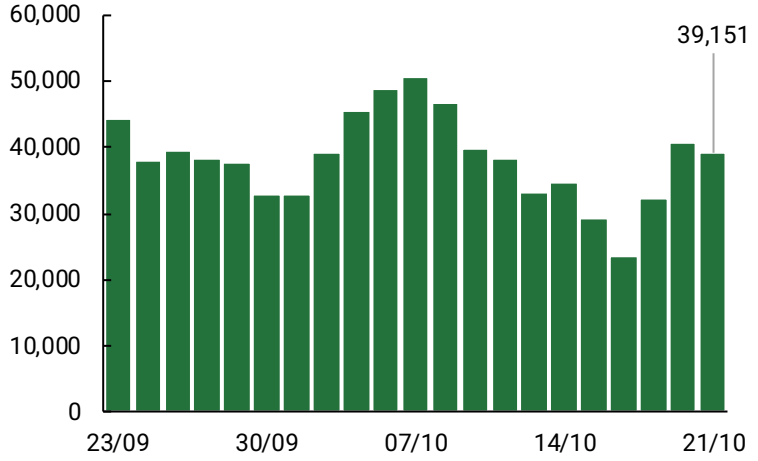

Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

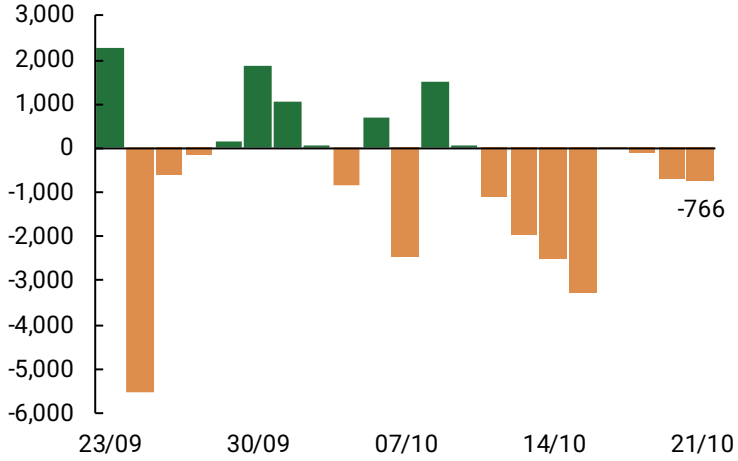

Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

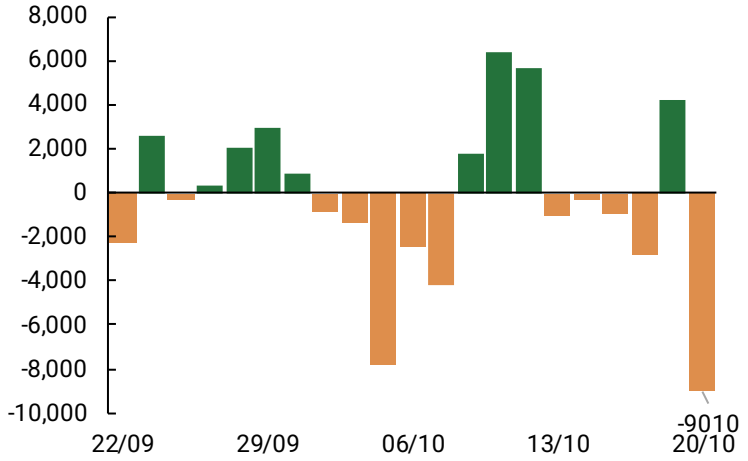

Basis hợp đồng tương lai

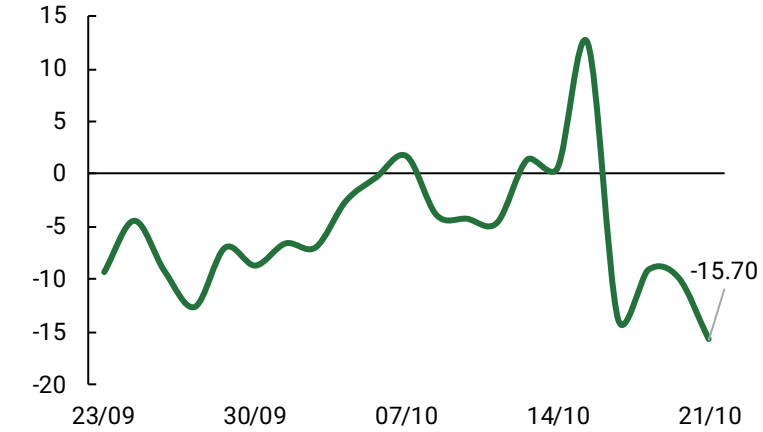

Đường cong hợp đồng tương lai

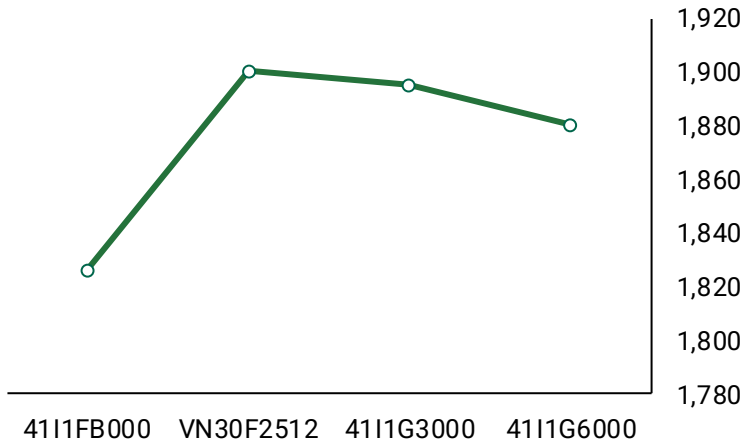

VN30F1M - VN30F2M

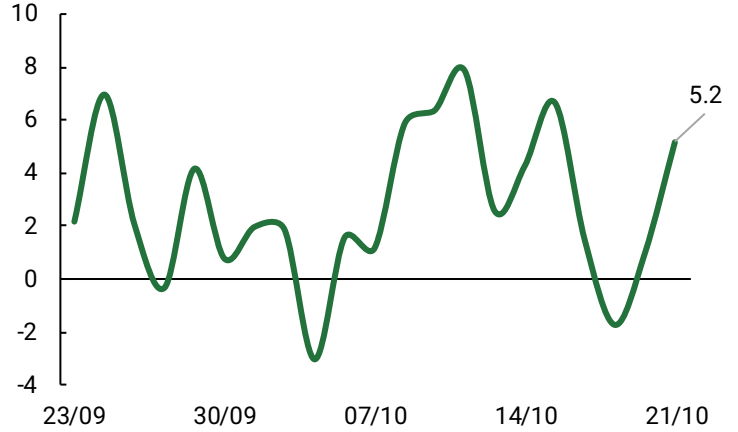

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,900	65,400	-11.5%	Bán
BCM	64,000	74,500	16.4%	Tăng tỷ trọng
CTD	84,000	92,400	10.0%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,900	27,200	13.8%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,400	68,000	27.3%	Mua
DDV	35,200	35,500	0.9%	Nắm giữ
DGC	89,200	102,300	14.7%	Tăng tỷ trọng
DGW	37,550	48,000	27.8%	Mua
DPR	35,500	41,500	16.9%	Tăng tỷ trọng
DRI	10,600	18,000	69.8%	Mua
EVF	12,700	14,400	13.4%	Tăng tỷ trọng
FRT	138,200	135,800	-1.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	66,000	72,700	10.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	54,500	67,600	24.0%	Mua
HDG	31,000	33,800	9.0%	Nắm giữ
HHV	14,800	12,600	-14.9%	Bán
HPG	26,800	30,900	15.3%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	49,500	55,000	11.1%	Tăng tỷ trọng
MBB	25,300	22,700	-10.3%	Bán
MSH	33,600	47,100	40.2%	Mua
MWG	83,000	92,500	11.4%	Tăng tỷ trọng
NLG	36,750	39,950	8.7%	Nắm giữ
PHR	50,200	72,800	45.0%	Mua
PNJ	86,900	95,400	9.8%	Nắm giữ
PVT	17,000	18,900	11.2%	Tăng tỷ trọng
SAB	44,450	59,900	34.8%	Mua
TLG	51,900	59,700	15.0%	Tăng tỷ trọng
TCB	37,650	35,650	-5.3%	Giảm tỷ trọng
TCM	27,950	38,400	37.4%	Mua
TRC	68,500	94,500	37.8%	Mua
VCG	25,500	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	54,000	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	56,500	66,650	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	23,800	17,900	-39.4%	Bán

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

01/10	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/10	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Qúy III và 9 tháng
07/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
16/10	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
20/10	Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
30/10	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành EU - ECB công bố lãi suất Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
31/10	Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

Dư nợ cho vay tại các CTCK lập kỷ lục hơn 380.000 tỷ đồng: Dư nợ cho vay tại các công ty chứng khoán đạt mức kỷ lục 383,000 tỷ đồng, tăng 80,000 tỷ trong quý 3/2025, trong đó margin tăng 78,000 tỷ. Các CTCK lớn như TCBS, SSI, VPBankS mở rộng mạnh dư nợ, với TCBS vượt 40,000 tỷ và SSI trên 39,000 tỷ. Nhiều CTCK lên kế hoạch tăng vốn để đẩy mạnh cho vay ký quỹ và đầu tư. Tốc độ tăng vốn và mở rộng cho vay dự báo tiếp tục tăng trong giai đoạn tới.

FPT, DCM, GAS, PNJ… góp mặt trong chỉ số VNDIVIDEND kỳ đầu tiên của HOSE: HOSE ra mắt chỉ số VNDIVIDEND gồm các doanh nghiệp đầu ngành như FPT, DCM, GAS, PNJ có lợi nhuận ổn định và cổ tức tiền mặt đều đặn trong ít nhất 3 năm, với tăng trưởng cổ tức 80–100%. Chỉ số được tính toán theo phương pháp giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float, áp dụng giới hạn tỷ trọng tối đa 15% cho từng cổ phiếu và 40% cho nhóm cổ phiếu cùng ngành, đảm bảo tính cân bằng và đại diện. HOSE kỳ vọng VNDIVIDEND hỗ trợ quỹ ETF, sản phẩm tài chính giá trị, song song với các chỉ số VNMITECH và VN50 Growth, chuẩn bị cho cơ hội lớn từ việc Việt Nam được nâng hạng thị trường của FTSE Russell.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FPT báo lãi ròng hơn 2.400 tỷ quý III: Trong 9 tháng năm 2025, Tập đoàn FPT ghi nhận doanh thu 49.887 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 9.540 tỷ đồng, lần lượt tăng 10,3% và 17,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ (lãi ròng) 9 tháng đạt 6.867 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với cùng kỳ. Khối công nghệ, bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) trong nước và dịch vụ CNTT nước ngoài, tiếp tục giữ vai trò chủ chốt, đóng góp 62% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của toàn tập đoàn. Tính riêng quý III, FPT đạt 17.204 tỷ đồng doanh thu, 2.435 tỷ đồng lãi ròng; tăng lần lượt 8% và 17% so với quý III/2024.

SHB lãi trước thuế quý III tăng hơn 54%, thực hiện 85% kế hoạch năm sau 9 tháng: Ngân hàng SHB công bố lợi nhuận trước thuế 9 tháng đạt 12,307 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ, hoàn thành 85% kế hoạch năm. Quý III ghi nhận lãi trước thuế hơn 3,360 tỷ đồng, tăng 54.6%. Tổng tài sản đạt 852,695 tỷ đồng, tăng 14%, dư nợ tín dụng gần 616,600 tỷ đồng, tăng 15% so với đầu năm. Nợ xấu được kiểm soát dưới 2%, vốn an toàn CAR trên 12%, vượt chuẩn quy định. SHB nâng vốn điều lệ gần 46,000 tỷ đồng nhờ chia cổ tức cổ phiếu 13% và tiền mặt tổng 18% cho năm 2024, đồng thời dự kiến duy trì tỷ lệ cổ tức này năm 2025. Ngân hàng dự kiến tăng vốn tiếp tục mở rộng quy mô, đầu tư chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh.

LPB - LPBank báo lãi hơn 9.600 tỷ đồng sau 9 tháng: Lũy kế 9 tháng năm 2025, LPBank đạt lợi nhuận trước thuế 9,612 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, mức cao nhất trong lịch sử. Thu nhập lãi thuần ổn định 11,253 tỷ đồng cùng thu nhập ngoài lãi 3,671 tỷ đồng, trong đó lãi thuần dịch vụ chiếm 2,533 tỷ đồng. Nợ xấu được kiểm soát ở 1,78%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 76,33%. Chi phí/thu nhập thấp ở 28,31%, chi phí hoạt động quý III giảm 5,7%. Tổng tài sản đạt 539,149 tỷ đồng, tăng 18,3%, tín dụng tăng 17%. LPBank liên tục dẫn đầu nhiều bảng xếp hạng uy tín và vừa đón khách hàng cá nhân thứ 5 triệu, mở rộng triển vọng quý cuối năm.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801